



wàng bù liǎo

忘不了

verb · cannot forget

Example Sentences

wǒ wàng bù liǎo nǐ de xiào róng
我忘不了你的笑容。

I cannot forget your smile.

nà cì lǚ xíng ràng wǒ wàng bù liǎo měi lì de fēng jǐng
那次旅行让我忘不了美丽的风景。

That trip made me unable to forget the beautiful scenery.

tóng nián de kuài lè shí guāng wǒ yǒng yuǎn wàng bù liǎo
童年的快乐时光，我永远忘不了。

I can never forget the happy times of my childhood.

Trace each character, then write the word on your own.

忘 忘 忘 忘 忘 忘 忘 忘 忘 忘

不 不 不 不 不 不 不

了 了 了 了 了